

MỘT SỐ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI

LÝ THỊ MỸ DUNG

Tóm tắt

Tác giả bài nghiên cứu đưa ra một vài giải pháp về những ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và công tác thông tin thư viện của thư viện trường, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của trường ta. Hiện nay việc ứng dụng Công nghệ thông tin vào nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo sinh viên ở Trường Đại học Văn hóa Hà Nội được sử dụng còn ít, không phổ biến ở các khoa chuyên ngành vì thế sinh viên khó có thể vận dụng vào thực tế công việc sau này. Vì vậy việc dạy cho sinh viên một số phần mềm ứng dụng Công nghệ thông tin phù hợp với ngành nghề là thực sự cần thiết và cấp bách trong chương trình đào tạo của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

1. Nhận xét chung về đào tạo tín chỉ ở Trường 5 năm qua

Từ năm 2012-2017 nhà trường đã thực hiện một bước đột phá, đó là thay đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang đào tạo tín chỉ vừa theo kịp nhu cầu đào tạo đại học, trên đại học vừa phù hợp với xu thế phát triển giáo dục đào tạo của cả nước và trên thế giới.

Đào tạo theo nhu cầu thực sự của người học, giảm tải được rất nhiều thời gian lên lớp, sinh viên phải tự chủ trong học tập hơn, say mê học tập hơn và biết làm việc theo nhóm, đồng nghĩa với việc tăng sự tự giác, tích lũy kiến thức và phải rèn luyện đủ mọi kỹ năng cho công việc của họ. Đặc biệt sinh viên rất yêu thích loại hình đào tạo này. Khi được hỏi có đến 99% số sinh viên rất yêu thích loại hình đào tạo theo tín chỉ này, chỉ có số ít sinh viên còn gặp chút khó khăn khi đăng ký môn học do trang mạng quá tải nên còn chậm, hoặc do số sinh viên không đủ còn bị hủy lớp.

Thành công lớn nhất của đào tạo tín chỉ chính là giảm tải đáng kể được chương trình, nhất là quá nhiều lý thuyết được giảm đi, tăng phần thực hành, thực tế lên, giúp sinh viên tập chung hơn về ngành nghề của mình, khi ra trường sinh viên có nhiều cơ hội để tìm kiếm việc làm hơn. Đến nay trường Đại học Văn hóa đã làm được điều đó, đúng là điều đáng khích lệ.

Trong quá trình thực hiện vẫn còn một số cải tiến về áp dụng công nghệ chưa thực hiện được để theo kịp những nước phát triển, để đưa trường luôn dành top đầu trong lĩnh vực đào tạo cán bộ ngành văn hóa, thể thao và du lịch.

Hiện nay hệ thống Trung tâm thông tin thư viện chưa phát triển được các dịch vụ thư viện, đặc biệt hệ thống "Học liệu mở" để phát triển Thư viện số, nguồn tài liệu

vô cùng quý giá trong đào tạo tin chỉ chưa thấy phát huy. Khi có hệ thống Thư viện số chúng ta quản lý được nguồn tài liệu rất dễ dàng, chống được tình trạng "đạo văn" qua một số phần mềm đã được sử dụng khá phổ biến trên thế giới và các Trường Đại học ở Việt Nam. Bởi hiện nay hiện tượng "chép - dán" tài liệu của sinh viên diễn ra khá phổ biến.

2. Những ứng dụng về công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập các ngành văn hóa

Thứ nhất về chương trình học: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đào tạo chủ yếu về các lĩnh vực: văn hóa nghệ thuật, thư viện, bảo tàng, du lịch, phát hành mà các lĩnh vực này mà được ứng dụng các phần mềm về Công nghệ thông tin vào để giảng dạy và làm việc thì thật tuyệt vời. Tác giả đã thực hiện điều tra ý kiến sinh viên để thống kê nhu cầu học tập về các môn Công nghệ thông tin tại trường đại học Văn hóa, sau đó sử dụng phần mềm Thống kê (SPSS- *Statistical Product and Services Solutions*) hiện nay đang giảng dạy cho khoa Văn hóa học tên môn học: Ứng dụng Công nghệ thông tin trong Nghiên cứu Văn hóa. SPSS có thể là đủ để giúp các nhà khoa học thực hiện việc xử lý số liệu nghiên cứu nói chung và trong nghiên cứu các mảng chuyên ngành khác nhau của mình, chẳng hạn:

- Ứng dụng SPSS trong nghiên cứu Văn hóa: Tìm hiểu nhu cầu thị hiếu của người xem nghệ thuật, nhu cầu cuộc sống của người dân thành thị và nông thôn, sở thích đi Du lịch, sở thích thăm quan Bảo tàng, sở thích đọc, mua sách báo.....

- Ứng dụng SPSS trong nghiên cứu tâm lý học: tâm lý tội phạm, tâm lý học sinh-sinh viên...

- Ứng dụng SPSS trong nghiên cứu xã hội học: ý kiến của người dân trong việc xây dựng lại khu chung cư, thống kê y tế...

- Ứng dụng SPSS trong nghiên cứu thị trường: nghiên cứu và định hướng phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường; sự hài lòng của khách hàng...

Tôi nhận thấy phần mềm này rất tuyệt vời và phù hợp với các ngành của trường đang đào tạo, cần được ứng dụng rộng rãi trong trường.

Để nghiên cứu về một vấn đề bạn cần thu thập các thông tin chính xác nhất có thể với nguồn lực hiện có, với mục tiêu cung cấp các bằng chứng chính xác để trả lời câu hỏi của nhà nghiên cứu. Cũng giống như là một bài tập quản lý, nó bao gồm việc lập kế hoạch cho quá trình thu thập thông tin sao cho tiết kiệm nguồn lực (thời gian, tài chính và nhân lực).

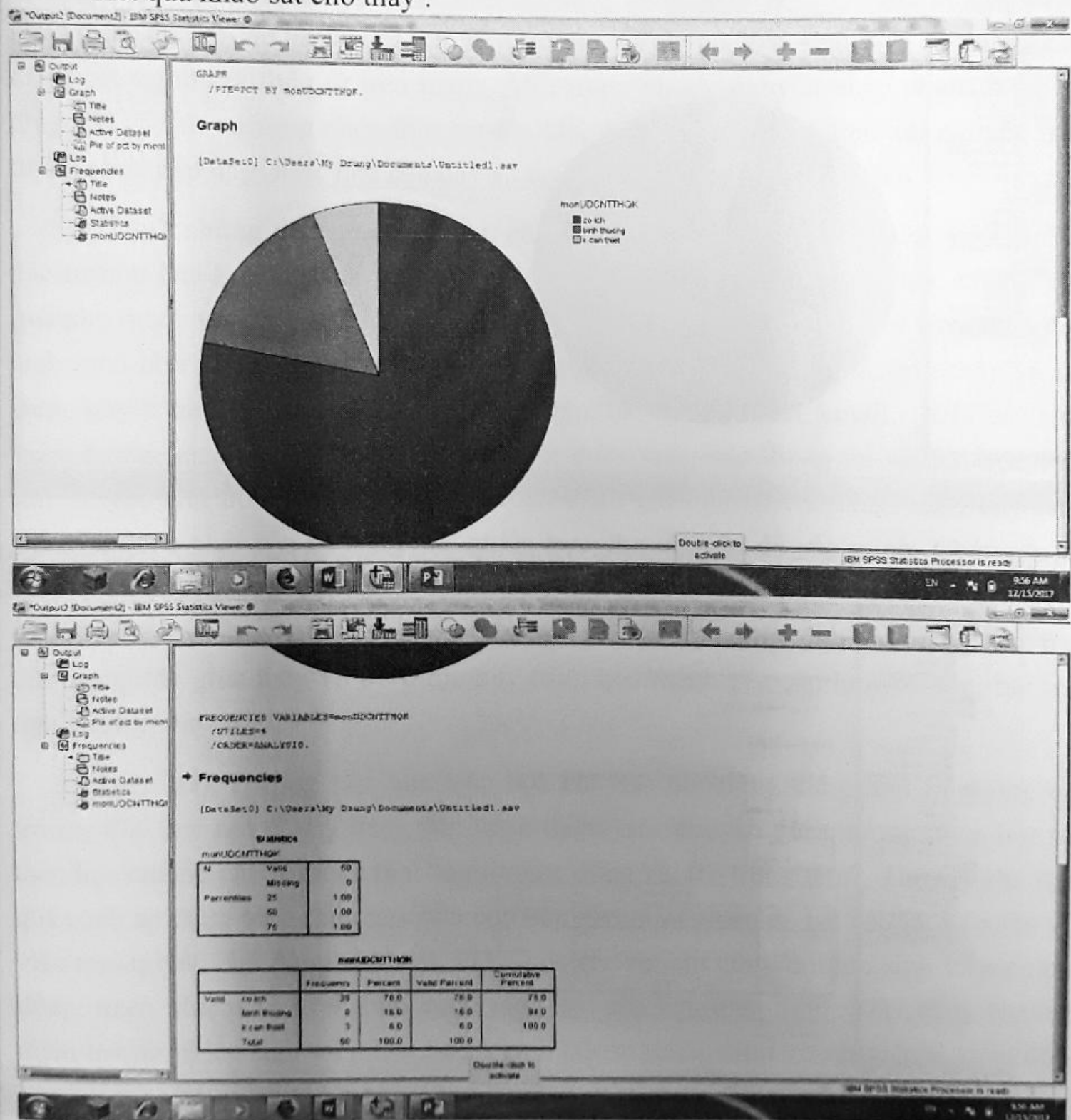
SPSS có thể tạo ra các bảng tính tần suất của tất cả các biến trong cơ sở dữ liệu, hoặc cho phép tạo ra các bảng tương quan giữa các biến. Ví dụ: cơ sở dữ liệu của một cơ quan có thể lập các bảng tổng hợp như: mức lương phân theo chức vụ, mức lương phân theo trình độ học vấn, hệ số phụ cấp phân theo số năm công tác...

Với SPSS, bạn có thể phân tích được thực trạng, tìm ra nhân tố ảnh hưởng, dự đoán được xu hướng xảy ra tiếp theo, giúp bạn đưa ra các quyết định một cách chính xác, giải quyết các vấn đề một cách nhanh chóng và cải thiện kết quả tốt hơn.

Đo lường là việc xác định độ lớn của không chỉ các đại lượng vật lý mà có thể là bất cứ khái niệm gì có thể so sánh được với nhau. Đo lường cung cấp các chuẩn mực về độ lớn cho giao dịch trong đời sống. Đo lường nói riêng, hay quan sát và thí nghiệm nói chung, cũng là một bước quan trọng trong nghiên cứu khoa học (khoa học tự nhiên và khoa học xã hội).

Ví dụ: như việc đo kiến thức, cảm giác của con người, mức độ căng thẳng, đo độ hiểu biết, nhận thức.....

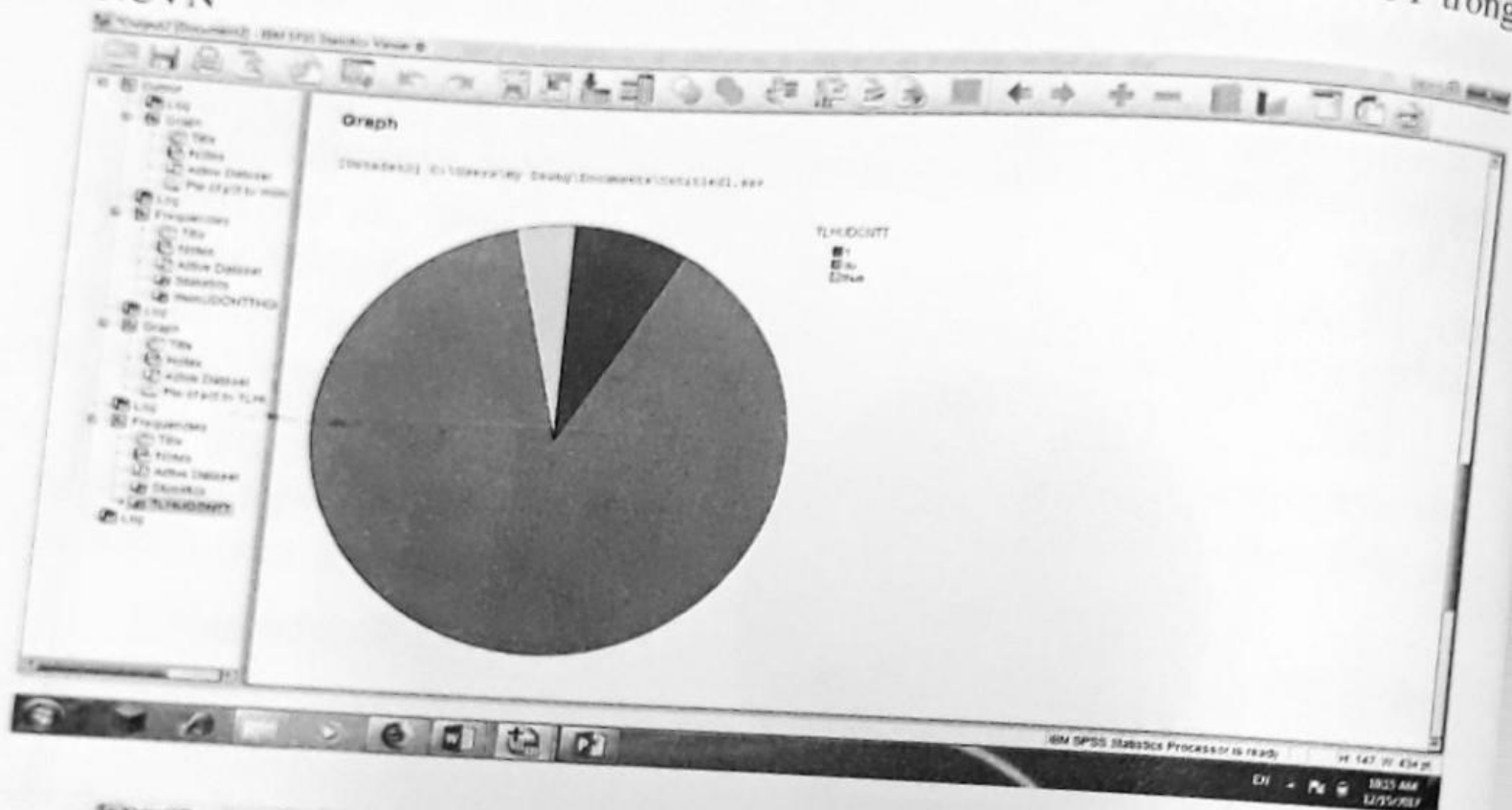
Kết quả khảo sát cho thấy :



Đây chỉ là một kết quả cho quá trình điều tra nghiên cứu và chạy thử phần mềm SPSS và cho kết quả. Khi đó chúng ta chỉ cần nhìn vào bảng kết quả sẽ hiểu vấn đề cần tìm hiểu, nghiên cứu. Ví dụ như: Trong câu hỏi “Môn học UDCNTT trong NCVN có hiệu quả không”, sau khi khảo sát số người được học thì cho kết quả như trên biểu đồ hình bánh và có bảng tính % số người trả lời cụ thể như sau:

Tính được 78% số người cảm thấy Môn học Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu Văn hóa có ích, 16% số người thấy bình thường, 6% số người thấy không cần thiết.

Kết quả thứ 2 cho 1 câu hỏi khác: “Thời lượng của môn học UDCNTT trong NCVN”



The screenshot shows the SPSS Frequencies window for variable TLUUCNTT. The summary table is as follows:

Category	Count	Percentage
Đúng	64	80.0
Bình thường	13	16.0
Không cần thiết	3	3.8
Total	80	100.0

Với câu hỏi: “Thời lượng của môn học UDCNTT trong NCVN”, tính được 88% số người trả lời đủ về thời lượng chương trình học, 8% số người trả lời còn thiếu, có 4% số người trả lời thừa. Từ những kết quả trên cho thấy ta có thể tính toán nhiều trường hợp khác nhau để phục vụ cho nhiều mục đích của mỗi người. Tôi nhận thấy môn học quả thực rất hữu ích nhất là trong những ngành văn hóa, xã hội.

Thứ hai: về hệ thống tài liệu phục vụ bạn đọc hiện nay ở Trường Đại học Văn hóa Hà Nội Hà Nội cho thấy có quá ít các kênh để tiếp cận với các nguồn tài liệu mà họ cần phải có trong quá trình học tập - nghiên cứu của mình. Khi được hỏi “Bạn tiếp cận với nguồn tài liệu bằng cách nào?”, hầu như tới hơn 50% sinh viên trả lời là thông qua các cửa hàng sách bán giáo trình, mua và chỉ sử dụng duy nhất giáo trình đó để học bài, không có thêm một tài liệu tham khảo nào, 30% sinh viên cho biết họ còn tham khảo thêm các nguồn tài liệu từ thư viện trường, và chỉ có 20% sinh viên có tham khảo thêm các nguồn tài liệu từ trên mạng. Một trong những nguyên nhân chính là do hạ tầng CNTT của trường chưa thực sự tốt, khả năng cung cấp tài liệu, tài nguyên trực tuyến chưa đáp ứng được nhu cầu dạy và học của giảng viên và sinh viên.

Chính những thực tế đó đã làm cho việc triển khai hệ thống “Học liệu mở” ở các trường Đại học văn hóa là rất cần thiết. Với hệ thống này, người học không cần quá phụ thuộc vào việc đến lớp mà kiến thức từ người thầy cô vẫn có thể truyền bá đến sinh viên nhờ các tài liệu được đưa lên mạng, các trao đổi tương tác giữa thầy và trò được quy trình hoá thành các câu hỏi, bài tập, bài trắc nghiệm, email... Đối với sinh viên, người học được quan tâm tốt hơn như được cung cấp thông tin về lịch học, lịch thi, về yêu cầu đối với môn học, về cách đánh giá môn học... Theo cách dạy này, người dạy sẽ phải đầu tư công sức nhiều hơn cho chuyên đề của mình. Chúng ta đã biết “Học liệu mở” là một hệ thống hỗ trợ giảng dạy và học tập mà qua đó kiến thức từ giảng viên được truyền bá đến sinh viên nhờ các tài liệu được đưa lên mạng; các trao đổi tương tác giữa thầy và trò được quy trình hoá thành các câu hỏi, bài tập, bài trắc nghiệm trực tuyến...

Hiện nay Trường Đại học Văn hóa Hà Nội nói riêng cũng như hệ thống các trường Đại học nói chung đang dần hoàn thiện việc chuyển đổi phương pháp học tập theo học chế tín chỉ với mục tiêu “người học đóng vai trò trung tâm”. Thực tế cho thấy quá trình áp dụng hình thức này vẫn còn gặp phải nhiều vấn đề bất cập. Song song với việc trao quyền chủ động cho sinh viên, học chế tín chỉ cũng đòi hỏi sinh viên sự chủ động, trách nhiệm và tự ý thức được việc học của bản thân mình. Đây cũng chính là điểm mà rất nhiều sinh viên Đại học Văn hóa còn thiếu. Nhiều sinh viên tỏ ra bị động và không hiểu rõ phương hướng học tập rèn luyện trong những năm học đại học. Phần lớn quỹ thời gian là sinh viên tự học và tự nghiên cứu, thời gian lên lớp bị rút ngắn nên

việc tiếp xúc, trao đổi giải đáp những thắc mắc, tài liệu giữa sinh viên và giảng viên còn nhiều hạn chế vì chỉ có thể gặp trực tiếp hay thông qua email. Vậy cần có giải pháp gì cho những vấn đề trên?

Ý tưởng "Xây dựng hệ thống học liệu mở cho Trường Đại học Văn hóa" mà tôi đưa ra chính là nhằm giải quyết vấn đề trên. Bởi với sự ra đời của "Học liệu mở": Giúp cho giảng viên và sinh viên được làm quen với môi trường học tập trực tuyến, thường xuyên có sự trao đổi hơn, từ đó giúp cả giảng viên và sinh viên học hỏi, chia sẻ cũng như bổ sung nguồn thông tin đầy đủ, đa dạng và phong phú.

Đối với giảng viên, "Học liệu mở" là môi trường giao tiếp kiến thức, hoàn thiện bài giảng, trao đổi trực tiếp và thân thiện với sinh viên. "Học liệu mở" cung cấp thêm một giáo trình tham khảo và nguyên liệu để xây dựng giáo trình của mình. Giảng viên chia sẻ giáo trình, quản lý nội dung học tập, quản lý người học.

Tôi tin rằng bằng việc phát triển hệ thống "Học liệu mở" sẽ là bước đi lớn giúp cho Trường Đại học Văn hóa nói riêng và các trường Đại học nói chung hoàn thiện hơn việc áp dụng học chế tín chỉ, nâng cao hiệu năng học tập và giảng dạy, đặc biệt là giúp cho các bạn sinh viên chủ động, thuận tiện trong việc học tập nghiên cứu nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Ngoài ra đối với hệ vừa học vừa làm có thêm cơ hội học tập, tiếp cận thông tin nhanh hơn từ những địa phương. Từ đó chất lượng giáo dục dần dần hoà nhập được với các tiêu chuẩn quốc tế.

Trong hệ thống thư viện số: "Bài giảng điện tử" là một hình thức tổ chức bài lên lớp mà ở đó toàn bộ kế hoạch hoạt động dạy học đều được chương trình hoá do giáo viên điều khiển thông qua môi trường multimedia do máy vi tính tạo ra. Cũng có thể hiểu bài giảng điện tử là những tệp tin có chức năng chuyển tải nội dung giáo dục đến học sinh,

"Giáo án điện tử": Có thể hiểu là bản thiết kế cụ thể toàn bộ kế hoạch hoạt động dạy học của giáo viên trên giờ lên lớp, toàn bộ hoạt động dạy học đó đã được multimedia hoá một cách chi tiết, có cấu trúc chặt chẽ và logic được quy định bởi cấu trúc của bài học. Giáo án điện tử là một sản phẩm của hoạt động thiết kế bài dạy được thể hiện bằng vật chất trước khi bài dạy học được tiến hành. Giáo án điện tử chính là bản thiết kế của bài giảng điện tử, chính vì vậy xây dựng giáo án điện tử hay thiết kế bài giảng điện tử là hai cách gọi khác nhau cho một hoạt động cụ thể để có được bài giảng điện tử. Bài giảng điện tử là giáo án được soạn thảo bằng máy tính và có thể in ra để thay thế cho giáo án viết tay. Trong bài giảng điện tử này có chứa các nội dung trình chiếu, các mô phỏng cũng như hình ảnh, âm thanh và các dụng cụ thí nghiệm thật chi có thể mô tả cách sử dụng.

3. Một số giải pháp

Nhà trường cần xem xét lại hệ thống chương trình dạy học cho hợp lý hơn, nhất là những môn học nhiều lý thuyết nên giảm tải, tăng thực hành, thực tế, tăng về kỹ năng nghề nghiệp hơn nữa.

Về chương trình học tập vẫn cần thay đổi, tập trung nhiều hơn về chuyên ngành, tăng thêm những môn học ứng dụng Công nghệ thông tin với các ngành nghề cho phù hợp với xu thế phát triển của thế giới.

Tập trung sử dụng ứng dụng Công nghệ thông tin trong giảng dạy nhiều hơn nữa. Các phòng học thực hành nên có đủ máy chiếu, cài đặt các phần mềm đồng bộ, máy tính hỏng phải được sửa chữa thường xuyên, hoặc thay thế.

Nhà trường cần đầu tư cho hệ thống học liệu mở từ: Hạ tầng cơ sở kỹ thuật (Hệ thống máy chủ, máy số hoá, hệ thống an ninh, an toàn dữ liệu, hệ thống lưu trữ dữ liệu điện tử, hệ thống mạng tốc độ cao. Hệ thống quản trị thư viện điện tử tích hợp mạnh mẽ có khả năng quản lý và phân phối các nguồn tài nguyên thông tin đa dạng của thư viện.

Kho tài nguyên số hoá (sách điện tử, bài giảng điện tử, giáo trình điện tử, tạp chí điện tử; luận văn, luận án điện tử ...), Các vấn đề bảo quản, khai thác và bản quyền, tránh tình trạng sao – chép tài liệu.

Phần quan trọng nhất trong thư viện điện tử chính là kho tài nguyên số.

Đó là một vài ý kiến cá nhân của tác giả, rất mong được nhà trường chú ý thực hiện trong thời gian tiếp theo, nhằm giúp Trường Đại học Văn hóa Hà Nội ngày càng phát triển lớn mạnh.

L.T.M.D

(Thạc sỹ, Khoa Lý luận chính trị & KHCB)

Tài liệu tham khảo

1. <http://www.earlham.edu/~peters/fos/boifaq.htm#openaccess>

2. <http://www.vocw.edu.vn>

3. Arsham, Hossein, *Statistical Data Analysis: Prove it with Data*, Manchester

Metropolitan University, 2004